

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/11/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD2+RC6+TD3+RP3	7:25	16+1+1	0+0+0		14+0+3+1	0+0+0	Người nhà RP3 mat
2		P1+PVD2+BK14	9:25	7+10+5	0+0+0		0+12+10	0+0+0	

TTBĐSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2020	TO: PVD2 - RC6 - TD3 - Kp3	AIRCRAFT: 846	CREW: HUNG - Khang - MQUAN	ETA: 09:20
FLIGHT: 1	FROM: VT			ETD: 07:30
xanh-1				

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU QUANG	PVD2	20-21	2	15			P.DC&KTM	Vietnamese
2	TRAN VIET ANH	PVD2	12-13	2	16			PVD.DD	Vietnamese
3	DAU HOANG LONG	PVD2	17-18	2	17			PVD.DD	Russian
4	MAI DONG DUY	PVD2	14	1	5			PVD.DD	Vietnamese
5	NGUYEN ANH HIEP	PVD2	17	1	4			PVD.DD	Vietnamese
6	TRAN BA KHANH	PVD2	15	1	10			PVD.DD	Vietnamese
7	NGUYEN VAN CU	PVD2	02	1	4			PVD.DD	Vietnamese
8	TRINH VAN BINH	PVD2	19	1	12			PVD.DD	Vietnamese
9	TRAN NAM THANG	PVD2	07	1	6			PVD.DD	Vietnamese
10	DOAN VAN TRUONG	PVD2	01	1	7			PVD.DD	Vietnamese
11	TRAN THE DANG	PVD2	05	1	7			PVD.DD	Vietnamese
12	DUONG THE THANG	PVD2	08-09	2	16			PVD.TECH	Vietnamese
13	PHAM VAN DAI	PVD2	04	1	8			PVD.TECH	Vietnamese
14	TRAN QUANG HUY	PVD2	06	1	8			PVD.TECH	Vietnamese
15	LE TIEN DUONG	PVD2	03	1	7			PVD.TECH	Vietnamese
16	DUONG KY TAM	PVD2	10-11	2	14			PVD.DD	Vietnamese
17	HOANG QUOC HUY	RC6	68	1	14			CO DIEN	Vietnamese
18	KOZLOV ANTON	TD3	07-08	2	17			KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE			ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	
1	PVD2	16	21	156	1.131	0	
2	RC6	1	14	82		27	
3	TD3	1	2	17	80	65	THAO 04 GHE CHO HANG
TOTAL		18	24	187	1.293	92	
WEIGHT KG				187	1.293	92	

GRAND TOTAL:

1.572 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

846 then 1st Kp3 then 1 pax vt; pvd2 before 1 pax vt

Trang 1/1

12/11/2020

7:10:22AM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	TO: P1 - PVD2 - BK14	CREW: HUNG - Khang - MQUAN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI QUOC KHOANG	P1	68-69	2	11		80	TRUONG S	Vietnamese
2	TRAN DUY HUNG	P1	75	1	5		74	TRUONG S	Vietnamese
3	HUYNH VAN AI	P1	70	1	7		55	TRUONG S	Vietnamese
4	HUYNH VAN HANH	P1	71	1	8		80	TRUONG S	Vietnamese
5	NGUYEN MINH MAN	P1	72	1	5		76	TRUONG S	Vietnamese
6	VU TRONG THAO	P1	73-74	2	18		65	TRUONG S	Vietnamese
7	LAM VAN VINH A	P1					65	TRUONG S	Vietnamese
8	CAO XUAN VINH	PVD2	27	1	16		85	PVDWS	Vietnamese
9	DOAN ANH QUYET	PVD2	34	1	10		80	PVDLOGG	Vietnamese
10	PHAM VAN THU	PVD2	35	1	9		60	PVDBH	Vietnamese
11	DO XUAN CHI	PVD2	23-24	2	11		59	PSV	Vietnamese
12	DOAN VAN AN	PVD2	22	1	4		70	PSV	Vietnamese
13	PHAM QUOC THAI	PVD2	25-26	2	13		60	PSV	Vietnamese
14	LE VAN NGHIA	PVD2	29	1	6		65	PSV	Vietnamese
15	TRUONG THIEN TRUNG	PVD2	32-33	2	15		100	DMC	Vietnamese
16	PHAM HONG MINH	PVD2	30-31	2	18		85	PVDWS	Vietnamese
17	NGUYEN MANH CUONG	PVD2	28	1	15		72	PVDWS	Vietnamese
18	DANG THANG LONG	BK14	58-59	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN MANH HUNG	BK14	62-63	2	14		75	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN DUC TINH	BK14	55-57	3	16		64	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG TRONG PHUC	BK14	64	1	8	30	70	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAM THAI SON	BK14	60-61	2	16		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	7	8	54	495	0	0	0	
2	PVD2	10	14	117	736	0	12	10	
3	BK14	5	10	69	364	30	22		
TOTAL		22	32	240	1.595	30			
WEIGHT KG					240	1.595	30		
GRAND TOTAL: 1.865 KGS									

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN